

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN KIỂM SOÁT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT
SANNA KHÁNH HÒA**

Khánh Hòa, 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I - NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1: Mục đích, phạm vi áp dụng.....	3
Điều 2: Giải thích từ ngữ và các từ viết tắt	4
Điều 3 : Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát	4
CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)	4
Điều 4: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát.....	4
Điều 5: Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát.....	4
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát	5
Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát	6
Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát.....	6
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	6
Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	7
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	7
Chương III: BAN KIỂM SOÁT.....	8
Điều 12: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát	8
Điều 13: Nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát	9
Điều 14: Nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát.....	10
Điều 15: Trách nhiệm và quyền hạn của Ban kiểm soát.....	10
Điều 16. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông	12
Chương IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	12
Điều 17. Cuộc họp của Ban kiểm soát	12
Điều 18. Biên bản họp Ban kiểm soát.....	13
Chương V: BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	13
Điều 19. Trình báo cáo hàng năm	13
Điều 20. Tiền lương và quyền lợi khác.....	13
Điều 21. Công khai các lợi ích liên quan	14
Điều 22: Khen thưởng, kỷ luật:.....	14
Chương VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	15
Điều 23: Quan hệ với các cơ quan quản lý Nhà nước:.....	15
Điều 24. Quan hệ với Đại hội đồng cổ đông:.....	15
Điều 25. Quan hệ với Hội đồng quản trị:.....	15
Điều 26. Quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát.....	15
Điều 27. Quan hệ với Ban Giám đốc Công ty:	15
Điều 28. Quan hệ với các đơn vị, bộ phận điều hành của Công ty:	16
CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	16
Điều 29. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế:.....	16
Điều 30. Hiệu lực thi hành:	16

Cam Ranh, ngày 29 tháng 5 năm 2021

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA**
*(Đã được Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa
thông qua ngày 29 tháng 5 năm 2021)*

*Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội
Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 (“**Luật Chứng
khoán**”);*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội
Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 (“**Luật Doanh nghiệp**”);*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31 tháng 12
năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại
chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần
Nước giải khát Sanna Khánh Hòa*

*Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Nước giải khát Sanna
Khánh Hòa bao gồm các nội dung sau:*

CHƯƠNG I - NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Mục đích, phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa bao gồm các quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, chế độ làm việc và trách nhiệm các bộ phận đối với Ban kiểm soát nhằm kiểm tra giám sát việc thực hiện Điều lệ Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty và Pháp luật của Nhà nước.

Quy chế này áp dụng cho mọi hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát để đảm bảo tính chính xác, khách quan, trung thực và kịp thời mọi hoạt động của Ban Kiểm soát.

Điều 2: Giải thích từ ngữ và các từ viết tắt

Công ty: Công ty cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa

Điều lệ: Điều lệ Công ty cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa

HDQT: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa

Ban kiểm soát: Ban kiểm soát Công ty cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ): Là tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty.

Luật Doanh nghiệp: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn liên quan..

Điều 3 : Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là tổ chức do Đại hội đồng cổ đông bầu ra và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định tại quy chế này. Ban kiểm soát chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông.

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 4: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 5: Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có tối thiểu 03 (ba) thành viên; tùy theo yêu cầu quản lý của Đại hội đồng cổ đông, quy mô hoạt động của Công ty, Đại hội đồng cổ đông quyết định việc tăng thêm số lượng thành viên theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát và/hoặc trừ khi có các quy định khác của Pháp luật.

2. Nhiệm kỳ hoạt động của Ban kiểm soát là 5 năm và được quy định trong

Điều lệ. Trưởng Ban và các thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại sau khi hoàn tất một nhiệm kỳ làm việc hoặc giữa nhiệm kỳ khi Đại hội đồng cổ đông thấy cần thiết nhằm đáp ứng các yêu cầu quản lý và/hoặc theo quy định của Pháp luật. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

3. Những người được bầu giữ chức Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tiếp nhận việc bàn giao và đảm nhiệm ngay công việc theo chức danh được bầu. Những người bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho những người mới được bổ nhiệm hoặc cho các thành viên còn lại của Ban kiểm soát (trong thời hạn chưa bổ nhiệm được thành viên thay thế) trong thời hạn 15 ngày, đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với công việc của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

4. Các thành viên Ban kiểm soát, cán bộ giúp việc Ban kiểm soát (nếu có) được hưởng tiền lương (hoặc thù lao nếu là thành viên kiêm nhiệm), tiền thưởng và phụ cấp do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo chế độ của Nhà nước và của Công ty. Chi phí cho mọi hoạt động của Ban kiểm soát (kể cả lương, tiền thù lao và phụ cấp của các thành viên Ban kiểm soát) được tính vào chi phí quản lý của Công ty.

5. Trưởng Ban Kiểm soát chỉ đạo trực tiếp các hoạt động của bộ phận giúp việc Ban Kiểm soát.

6. Ban Kiểm soát họp định kỳ hoặc bất thường theo Quy định tại Điều lệ Công ty và theo Quy chế này.

7. Các thành viên Ban kiểm soát được phân công phụ trách theo mảng công việc, chịu trách nhiệm về mảng công việc và kết quả thực hiện công việc của mình.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

Thành viên Ban kiểm soát không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác trong Công ty.

Theo quy định của pháp luật, thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của

Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát là một thành viên trong Ban kiểm soát, do các thành viên Ban kiểm soát bầu ra theo hình thức bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết công khai tại phiên họp đầu tiên của nhiệm kỳ của Ban kiểm soát.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng

của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Thành viên Ban Kiểm soát muốn từ nhiệm phải làm đơn gửi HĐQT để trình ĐHĐCĐ phê chuẩn;

c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

3. Bổ sung thành viên Ban Kiểm soát: Trong nhiệm kỳ có khuyết thành viên Ban Kiểm soát thì cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất phải bầu bổ sung. Trong trường hợp khuyết thành viên Ban Kiểm soát mà các thành viên Ban Kiểm soát còn lại không có chuyên môn về tài chính - kế toán hoặc 2/3 thành viên Ban Kiểm soát trở lên bị khuyết thì HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong vòng 60 ngày để bầu bổ sung.

4. Trường hợp khuyết chức danh Trưởng Ban Kiểm soát thì trong vòng 30 ngày, Ban Kiểm soát phải họp để bầu Trưởng Ban Kiểm soát mới.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Bầu thành viên Ban kiểm soát:

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty

của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III: BAN KIỂM SOÁT

Điều 12: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động

của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc), người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13: Nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát

1. Chủ trì xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế về tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

2. Xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm soát theo định kỳ hàng quý, hàng năm và tổ chức thực hiện theo chương trình kế hoạch,

3. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban kiểm soát, thực hiện những nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định trong quy chế này; chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ về các hoạt động của Ban kiểm soát.

4. Lập báo cáo theo định kỳ hoặc đột xuất, trình Đại hội đồng cổ đông về

tình hình hoạt động, kết quả kiểm soát của Ban kiểm soát và các kiến nghị. Chịu trách nhiệm trước Pháp luật, trước cổ đông về những nội dung nêu trong báo cáo.

5. Ủy quyền bằng văn bản cho thành viên Ban kiểm soát đảm nhiệm công việc của Trưởng Ban kiểm soát trong thời gian vắng mặt.

6. Đề nghị HĐQT họp phiên bất thường để xử lý những trường hợp vi phạm quy định Pháp luật, Điều lệ Công ty.

7. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

8. Tham dự các cuộc họp giao ban tuần, tháng, quý, năm; các phiên họp của Hội đồng Quản trị.

9. Chấp hành các quy định khác của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 14: Nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát

1. Mỗi thành viên được phân công chuyên trách một lĩnh vực nghiệp vụ kiểm soát có trách nhiệm hoàn thành tốt nhiệm vụ về lĩnh vực được phân công, giúp Trưởng Ban kiểm soát tham mưu cho HĐQT, Ban Giám đốc về lĩnh vực được phân công.

2. Tuân thủ pháp luật và chính sách chế độ hiện hành của Nhà nước, của Công ty, đảm bảo nguyên tắc khách quan, trung thực khi tiến hành kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Trưởng Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông về việc xác định tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan đến các mặt hoạt động của Công ty.

4. Giữ gìn bảo mật tài liệu, số liệu, tình hình đã được cung cấp hoặc thu nhận qua kết quả kiểm tra, kiểm soát theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

5. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

Điều 15: Trách nhiệm và quyền hạn của Ban kiểm soát

1. Trách nhiệm:

a) Quán triệt và thực hiện Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội cổ đông và các quy định cụ thể của Quy chế này;

b) Ban kiểm soát làm việc theo quy định của Pháp luật, điều lệ công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và kế hoạch đã được thông qua. Trưởng BKS lập kế hoạch kiểm tra giám sát Quý, Năm, tổ chức thực hiện và báo cáo bằng văn bản tới Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát. Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về tính xác thực của các báo cáo kiểm tra, giám sát của mình;

c) Các báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng và báo cáo tài chính năm trước khi đệ trình lên HĐQT phải thông qua ý kiến của Ban Kiểm soát;

d) Qua công tác kiểm tra, giám sát, đề xuất với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc để kịp thời xử lý, chấn chỉnh những vi phạm, sai sót trong hoạt động kinh doanh, đặc biệt là hoạt động tài chính; đồng thời đề xuất cải tiến công tác quản lý của HĐQT và Ban Giám đốc;

e) Xem xét những kết quả kiểm tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban quản lý;

f) Đảm bảo phối hợp có hiệu quả với Tổ chức kiểm toán độc lập được lựa

chọn để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Công ty;

g) Trách nhiệm khác tuân thủ theo điều lệ của Công ty và quy định của Pháp luật.

2. Quyền hạn:

a) Chủ động thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Quy chế này và/hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc các quy định khác của Pháp luật;

b) Được yêu cầu Công ty cung cấp đầy đủ, kịp thời các văn bản pháp quy của Nhà nước, Chính phủ, các Bộ, ngành có liên quan đến hoạt động công ty, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn và các thông tin báo cáo của Công ty để Ban kiểm soát làm căn cứ kiểm tra, giám sát, kiểm toán;

c) Được quyền yêu cầu lãnh đạo các đơn vị (phòng/ban) trong công ty cung cấp số liệu, tài liệu, thông tin và giải trình các hoạt động theo yêu cầu của công tác kiểm soát. Thành viên BKS có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu lưu trữ tại Công ty và phải có trách nhiệm bảo vệ bí mật các số liệu, tài liệu, thông tin được cung cấp;

d) Được Công ty đảm bảo trang bị các công cụ, phương tiện cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp cần thiết Trưởng Ban kiểm soát trình Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc quyết định việc trưng tập các cán bộ lãnh đạo trong công ty thực hiện chương trình kiểm tra kiểm soát. Có trách nhiệm bảo vệ bí mật các số liệu, tài liệu, thông tin được cung cấp; Đối với các vụ việc phải liên hệ với các tổ chức, cá nhân ngoài Công ty để phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát thì Ban kiểm soát phải xin ý kiến của Hội đồng quản trị;

e) Nếu thành viên Ban kiểm soát phát hiện thấy vụ việc diễn ra làm thiệt hại đến vốn, tài sản và con người của Công ty thì có quyền yêu cầu người phụ trách dừng ngay công việc đó và báo cáo Hội đồng quản trị, Giám đốc và Trưởng Ban kiểm soát biết để có biện pháp xử lý;

f) Yêu cầu tập thể, cá nhân chấp hành nghiêm túc và khắc phục các kết luận của Ban kiểm soát;

g) Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập; Thảo luận về những khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ.

h) Tham dự các cuộc họp của HĐQT, phát biểu ý kiến và những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với những quyết định của HĐQT thì được quyền đề nghị bảo lưu ý kiến của mình vào biên bản cuộc họp. Được cung cấp những nội dung & tài liệu liên quan đến chương trình nghị sự, thời gian, địa điểm họp HĐQT (như đối với Thành viên HĐQT);

i) Được quyền tham dự các cuộc họp, hội nghị chuyên đề, các buổi giao ban tại trụ sở chính, do Giám đốc chủ trì, hội nghị sơ kết, tổng kết, các cuộc hội thảo, các lớp đào tạo nghiệp vụ, nâng cao kiến thức nghề nghiệp do Công ty tổ chức hoặc Công ty kết hợp với các đơn vị khác tổ chức hoặc theo đề nghị của Ban kiểm soát. Giám đốc Công ty thông báo cho Ban kiểm soát biết kế hoạch tổ chức các nội dung nói trên; Được cử thành viên tham gia công tác kiểm tra, kiểm toán định kỳ, đột xuất do HĐQT, các đoàn thể tổ chức;

k) Quyền hạn khác theo Điều lệ công ty và quy định của Pháp luật. Điều 10: Chế độ làm việc

l) Ban kiểm soát thực hiện việc giám sát, kiểm tra theo chế độ trách nhiệm

cá nhân, kết hợp với chế độ làm việc tập thể của Ban kiểm soát.

m) Trưởng Ban kiểm soát lập chương trình, kế hoạch công tác kiểm soát định kỳ hàng quý, hàng năm hoặc khi cần kiểm tra đột xuất để phát hiện những sai sót giúp Công ty khắc phục kịp thời. Các thành viên Ban kiểm soát căn cứ theo nhiệm vụ được phân công có trách nhiệm thực hiện chương trình đó.

n) Trưởng Ban kiểm soát triệu tập và chủ trì tất cả các cuộc họp của Ban, trường hợp vắng mặt, Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền cho một thành viên Ban kiểm soát thay mặt chủ trì, giải quyết các công việc của Ban kiểm soát. Cuộc họp được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên Ban kiểm soát có mặt. Các cuộc họp của Ban kiểm soát được thông báo tới các thành viên Ban kiểm soát về thời gian, địa điểm, nội dung cuộc họp trước ít nhất 03 ngày làm việc, đồng thời được gửi thông báo tới Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc của Công ty biết. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc có thể tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát nếu thấy cần thiết nhưng không làm thay đổi nội dung cuộc họp cũng như ảnh hưởng đến tính độc lập trong thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Điều 16. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện

2. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 17. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Định kỳ và ít nhất 6 tháng một lần, Ban kiểm soát họp theo thông báo của Trưởng Ban kiểm soát để trao đổi thông tin và phối hợp công việc nhằm thực hiện tốt công tác kiểm tra, kiểm soát, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Cuộc họp bất thường: Cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:

+ Chủ tịch Hội đồng Quản trị

+ Ít nhất 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng Quản trị

+ Trưởng ban Kiểm soát

+ Ít nhất 2/3 (hai phần ba) thành viên Ban Kiểm soát

+ Giám đốc

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban Kiểm soát bất thường, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp. Trường hợp, sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban

Kiểm soát tiến hành triệu tập họp Ban Kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng Ban, bầu một thành viên Ban Kiểm soát đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Trưởng ban gửi các cổ đông xin ý kiến biểu quyết hoặc quyết định việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).

3. Mỗi vụ việc kiểm tra phải được Trưởng Ban kiểm soát phê duyệt mới được thực hiện. Việc thực hiện kiểm tra, kiểm soát phải tuân thủ các quy định, quy trình kiểm soát.

4. Các kiến nghị của Ban kiểm soát phải được đưa ra lấy ý kiến tập thể trong Ban kiểm soát và kết luận theo đa số. Mỗi thành viên có quyền bảo lưu ý kiến và có quyền báo cáo Đại hội đồng cổ đông về ý kiến riêng của mình.

5. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 18. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V: BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 19. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

6. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.

7. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 20. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích

khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

4. Mức thù lao và các chi tiêu tài chính khác của Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy chế tài chính của HĐQT và Ban Kiểm soát Công ty được ĐHĐCĐ thông qua hàng năm.

Điều 21. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 22: Khen thưởng, kỷ luật:

Trưởng Ban, các thành viên trong Ban kiểm soát có thành tích trong công tác kiểm tra, kiểm soát và các hoạt động có liên quan được khen thưởng theo quy định

của Công ty.

Trưởng Ban, các thành viên trong Ban kiểm soát vi phạm các quy định của pháp luật hiện hành trong kiểm tra, kiểm soát các hoạt động có liên quan hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn, vụ lợi, có động cơ cá nhân xâm phạm lợi ích hợp pháp của Công ty thì tùy theo mức độ sai phạm mà xử lý kỷ luật về hành chính hay truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Pháp luật.

Chương VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 23: Quan hệ với các cơ quan quản lý Nhà nước:

Tổ chức và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo các nội dung liên quan đến công việc kiểm tra kiểm soát theo quy định của pháp luật;

Các thông tin, báo cáo của Ban kiểm soát trước khi gửi các cơ quan quản lý Nhà nước phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 24. Quan hệ với Đại hội đồng cổ đông:

Ban kiểm soát báo cáo cổ đông tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định trong Điều lệ.

Ban kiểm soát chỉ thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật và/hoặc đã được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.

Điều 25. Quan hệ với Hội đồng quản trị:

1. Hội đồng quản trị chịu sự giám sát của Ban kiểm soát đối với việc thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong các phiên họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến Trưởng Ban Kiểm soát như đối với các thành viên HĐQT vào cùng một thời điểm.

2. Ban kiểm soát báo cáo với Hội đồng quản trị kết quả kiểm tra, giám sát nội bộ định kỳ hoặc đột xuất sau khi kết thúc việc kiểm tra kiểm soát .

3. Ban kiểm soát tham gia cùng với đoàn công tác kiểm tra, kiểm soát khi Hội đồng quản trị yêu cầu;

4. Khi nhận được kết quả kiểm tra, Hội đồng quản trị xem xét để đưa ra kết luận và quyết định xử lý. Ban kiểm soát theo dõi việc thực hiện của Công ty các kết luận và quyết định xử lý của Hội đồng quản trị.

5. Các báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị chuẩn bị trình lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên phải được gửi cho Ban kiểm soát trước ngày tổ chức đại hội để thẩm định.

6. Ban kiểm soát thông báo cho Hội đồng quản trị và tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị về các vấn đề được nêu trong báo cáo của Ban kiểm soát trước khi gửi lên Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 27. Quan hệ với Ban Giám đốc Công ty:

1. Ban Giám đốc chịu sự kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát đối với việc thực hiện nhiệm vụ của mình;

2. Giám đốc chỉ đạo các đơn vị cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và những phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, kiểm toán theo yêu cầu của Ban kiểm soát, đoàn kiểm tra, kiểm toán;

3. Định kỳ hàng quý Giám đốc gửi báo cáo Hội đồng quản trị, đồng thời chuyển cho Ban kiểm soát một bản báo cáo về kết quả tự đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tiến độ thực hiện kế hoạch hàng quý, năm và kiến nghị, đề xuất nhằm chỉnh sửa bổ sung để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch đã được duyệt;

4. Thông báo ngay cho Ban kiểm soát khi phát hiện những yếu kém, tồn tại, các sai phạm, rủi ro, thất thoát lớn về tài sản hoặc khi có những thay đổi trong hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại đơn vị mình, hoặc là các thông tin, các quyết định, kế hoạch sản xuất kinh doanh tác động ngay, nhạy cảm đến tâm lý các cổ đông.

Điều 28. Quan hệ với các đơn vị, bộ phận điều hành của Công ty:

1. Giám đốc Công ty được kiểm tra, kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Hội đồng quản trị về tính đầy đủ, trung thực, hợp lý của các thông tin, tài liệu cung cấp cho Ban kiểm soát.

2. Các đơn vị, bộ phận điều hành của Công ty phải cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và những phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế:

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có những điều khoản chưa phù hợp với thực tế hoặc trái với quy định hiện hành của pháp luật có liên quan, các tổ chức, đơn vị cần có văn bản phản ánh kịp thời để Ban Kiểm soát nghiên cứu, xem xét đề nghị ĐHĐCĐ sửa đổi hoặc bổ sung.

Việc sửa đổi, bổ sung nội dung Quy chế này phải được ĐHĐCĐ thông qua bằng nghị quyết khi xét thấy có những điều khoản quy định trong Quy chế này không còn phù hợp với thực tiễn hoạt động của Công ty.

Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này được hiểu là phải áp dụng thực hiện theo Điều lệ Công ty, Luật Doanh Nghiệp và các Luật khác liên quan hiện hành. Trường hợp những quy định mới của pháp luật, khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty.

Điều 30. Hiệu lực thi hành:

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày Trưởng Ban Kiểm soát ký ban hành và được công khai trong toàn Công ty để làm cơ sở thực hiện.

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Trưởng Ban Kiểm soát quyết định trên cơ sở ý kiến thông qua của Đại hội đồng cổ đông.

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

